TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2025/HS-PT
Ngày: 15-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Rung K' Nhơn

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 110/2025/TLPT-HS ngày 12 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Ngô Văn D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 19/2025/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng *(Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Lâm Đồng)*

Họ và tên: **Ngô Văn D**; sinh năm 1997, tại Ninh Thuận; nơi cư trú: tổ dân phố N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (*tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng*); nghề nghiệp: Tự do; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 00/12; con ông: Không xác định được cha từ nhỏ và con bà Ngô Thị B, sinh năm 1974; vợ: Phan Ngọc Thuý Ng và có 01 người con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại. *Có mặt*

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phùng Đình Thuận – Văn phòng Luật sư Phùng Đình Thuận; Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt*.

Trong vụ án còn có bị hại, người liên quan nhưng không kháng cáo, vụ án không bị kháng nghị; không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 05/12/2024, trong lúc đi bộ ngang qua 01 công trình xây dựng ở tổ dân phố Nghĩa Lập 3, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, Ngô Văn D phát hiện trên lề đường bên cạnh công trình có nhiều xe mô tô; trong đó có 01 xe mô tô nhãn hiệu Sanda Boss, BKS: 49F1 – 096.43 còn đang cắm chìa khoá trên xe của bà Nguyễn Thị Thu Yến cùng chồng là ông Trần Ngọc Tuấn đi làm tại công trình xây dựng. Khi về đến nhà, D nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe nêu trên để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên đã đi bộ quay lại công trình xây dựng và ngồi lên xe mô tô của bà Yến. Đến khoảng 10 giờ 00 cùng ngày, D quan sát xung quanh không có ai nên đã mở khoá, nổ máy và điều khiển xe mô tô chạy đến quán sửa xe của ông Nguyễn Thành Trung ở thôn Pró Trong, xã Quảng Lập, huyện Đơn Dương để bán cho Trung. D nói dối với Trung là xe này mình cầm của 01 người bạn nhưng người này không chuộc và đồng ý cho D bán đi. Sau khi thoả thuận thì Trung đồng ý mua xe mô tô trên với giá 1.600.000 đồng. Số tiền bán xe D đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 80/KL-HĐĐGTS ngày 17/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đơn Dương kết luận giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.800.000 đồng.

Cáo trạng số 20/CT - VKSĐD ngày 14/4/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương truy tố bị cáo Ngô Văn D về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bản án Hình sự sơ thẩm số: 19/2025/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng *(Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Lâm Đồng)* đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn D phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn D 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn kháng cáo, ngày 07-5-2025 bị cáo Ngô Văn D kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Bị cáo có cung cấp thêm tình tiết mới là bản thân là lao động chính nuôi 01 con nhỏ và vợ đang mang thai, bị cáo phạm tội nhưng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít

nghiêm trọng, tài sản có giá trị thấp, đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh, khung hình phạt như bản án sơ thẩm đã xét xử; đề nghị xem xét bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị ít chỉ 4 triệu đồng; bị cáo là lao động chính duy nhất nuôi 01 con nhỏ và vợ đang mang thai 34 tuần tuổi, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội cải tạo ngoài xã hội, lao động và chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện tại giai đoạn sơ thẩm là hợp pháp.

[2] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo đúng về hình thức, nội dung, trong thời hạn kháng cáo nên hợp lệ, đủ cơ sở để xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[3] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đề cập, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận:

Vào sáng ngày 05/12/2024, tại tổ dân phố Nghĩa Lập 3, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, bị cáo Ngô Văn D đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Sanda Boss BKS: 49F1 – 096.43 của bà Nguyễn Thị Thu Yến có giá trị là 4.800.000đ.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nêu trên của Ngô Văn D đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt và kháng cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo tuy rằng thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm: phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện trả lại số tiền cho người liên quan theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình là đầy đủ và đúng quy định. Mức hình phạt 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là trong khung hình phạt mà bị cáo phạm phải.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thì thấy rằng, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã chủ động trả lại số tiền cho người liên quan, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp có giá trị thấp và đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình; xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Việc cho bị cáo cải tạo ngoài cộng đồng không gây nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo; thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa phúc thẩm, giữ nguyên mức hình phạt 06 tháng tù và cho bị cáo hưởng án treo dưới sự giám sát của gia đình, chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Tạo điều kiện cho bị cáo có điều kiện chăm sóc gia đình và vợ sắp sinh.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Về các vấn đề khác: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngơ Văn D. Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số: 19/2025/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng *(Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Lâm Đồng)*

Tuyên xử:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản , khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn D 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời gian thử thách là 12 (*Mười hai*) tháng tình từ ngày tuyên án phúc thẩm (15/8/2025)

Giao bị cáo Ngô Văn D cho Uỷ ban nhân dân xã Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GĐKT I – TANDTC (01);
- Phòng GĐ, TT, KT&THA (02);
- TAND khu vực 2 – Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 2 – Lâm Đồng (01);
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (01);
- Hồ sơ THAHS (01);
- Văn phòng TAND tỉnh Lâm Đồng (01)
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Công Hoàn

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Công Hoàn

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GĐKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện Đức Trọng (02);
- VKSND huyện Đức Trọng (01);
- Cơ quan CSĐT CA huyện Đức Trọng (01);
- Cơ quan THAHS huyện Đức Trọng (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- Hồ sơ THAHS (01);
- Văn phòng TAND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Hoàn

Mẫu số 28-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN[1].....

Bản án số:..... /.....[2]/HS-PT
Ngày.....-.....-[3].....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN[4].....

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có[5]:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà) ..... .
Các Thẩm phán: Ông (Bà) ..... .
Ông (Bà) .....
- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)[6] .....
- Đại diện Viện kiểm sát [7].....tham gia phiên tòa:
Ông (Bà).....- Kiểm sát viên.

Trong các ngày[8].....tại[9].....xét xử phúc thẩm công khai[10] vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số:…/…/TLPT-HS ngày…tháng…năm….đối với (các) bị cáo[11].....do có kháng cáo của[12]..... hoặc kháng nghị của[13].....đối với Bản án hình sự sơ thẩm số:.../.../HS-ST ngày...tháng...năm...của Tòa án[14].....

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị:[15]

[16]..... sinh ngày.....tháng.....năm.....tại……

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học vấn).....; dân tộc:…….; giới tính:……..; tôn giáo:……..; quốc tịch:…….; con ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và..... con; [17]tiền án....., tiền sự.....; nhân thân…….; bị bắt, tạm giam ngày[18]……

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng

nghị:[19] *……*.....

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:……

.....

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: [20]

Ông (Bà)....sinh năm (hoặc tuổi)....; nơi cư trú....; nghề nghiệp....là:[21].....

……

- Người bào chữa cho bị cáo:[22].....

……..

- Bị hại:[23].....

……

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:[24].....

……

- Nguyên đơn dân sự:[25].....

……..

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:[26].....

……...

- Bị đơn dân sự:[27].....

……..

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:[28].....

……..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:[29].....

……...

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:[30].....

……...

- Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại (nguyên đơn dân sự,...):[31].....

……...

- Người tham gia tố tụng khác:[32].....

……...

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: (33)

.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: (34)

[1]……
……..
……...

[2]……..
……
……

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào……(35)

(36).....
.....
.....

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(37).....

*Hướng dẫn sử dung mẫu số 28-**HS:***

(1) và (4) ghi tên Tòa án xét xử phúc thẩm; nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực

thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì ghi: Tòa án nhân dân cấp cao tại (Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh...); nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi Bản án hình sự phúc thẩm, ô thứ hai ghi năm ra Bản án hình sự phúc thẩm (ví dụ: 12/2017/HS-PT).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.

(5) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán; nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1) và họ tên của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) và (4). Nếu vụ án xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) nếu vụ án có một hoặc hai bị cáo kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo; nếu vụ án có từ ba bị cáo trở lên kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo trong số các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án cao nhất và ghi thêm cụm từ "và các bị cáo khác". Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mạt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(12) ghi địa vị pháp lý trong tố tụng của người kháng cáo (ví dụ: do có kháng cáo của bị cáo (các bị cáo), người bị hại và nguyên đơn dân sự).

(13) ghi tên Viện kiểm sát kháng nghị (nếu có).

(14) ghi tên Tòa án xét xử sơ thẩm.

(15) không ghi các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị, nhưng toàn bộ kháng cáo, kháng nghị liên quan đến họ đã được rút trước khi mở phiên tòa.

(16) và (17) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là

các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở chính, họ tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(18) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(19) nếu có bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm có xem xét phần của bản án sơ thẩm đối với họ, thì ghi như bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị; nếu Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét phần của bản án sơ thẩm đối với họ thì chỉ cần ghi "Ngoài ra còn có (số lượng) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị". Trường hợp vụ án chỉ có một bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi "Ngoài ra còn có bị cáo (họ tên) không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị".

(20) và (21) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ "là" ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(22) nếu bị cáo nào có người bào chữa thì ghi họ tên của người bào chữa và nghề nghiệp (Ví dụ: Trần Văn C là Luật sư; Trần Văn D là Bào chữa viên nhân dân).

(23), (24), (25), (26), (27), (28), (29), (30) và (31) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(32) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(33) trong phần này, ghi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định trong bản án sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(34) trong phần này, ghi nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm, những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự và của văn bản quy phạm pháp luật khác mà Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ để giải quyết vụ án. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(35) tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(36) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(37) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp phúc thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)